

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/2009/QĐ-UBND

Rạch Giá, ngày 13 tháng 02 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định phạm vi các khu vực phải xin giấy phép
xây dựng đối với trạm thu, phát sóng thông tin di động
trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2005/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 12/2007/TTLT/BXD-BTTTT ngày 11 tháng 12 năm 2007 của Bộ Xây dựng và Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình trạm thu, phát sóng thông tin di động ở các đô thị;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 424/TTr-STTTT ngày 05 tháng 12 năm 2008 về việc quyết định ban hành Quy định phạm vi các khu vực phải xin giấy phép xây dựng đối với trạm thu, phát sóng thông tin di động trên địa bàn tỉnh Kiên Giang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phạm vi các khu vực phải xin giấy phép xây dựng đối với trạm thu, phát sóng thông tin di động trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Giao cho Giám đốc các Sở: Thông tin và Truyền thông; Xây dựng chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Thông tin và Truyền thông, Xây dựng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các đơn vị, doanh nghiệp viễn thông; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Bùi Ngọc Sương

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Phạm vi các khu vực phải xin giấy phép xây dựng đối với trạm thu, phát sóng
thông tin di động trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2009/QĐ-UBND ngày 13 tháng 02
năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)*

Chương I

QUY ĐỊNH VỀ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Điều 1. Khu vực phải xin giấy phép xây dựng đối với trạm BTS loại 2

1. Toàn bộ ranh giới diện tích đất thị trấn, thị xã, thành phố; các đô thị mới trên địa bàn tỉnh đã được phê duyệt quy hoạch chung xây dựng và quy hoạch chi tiết xây dựng;
2. Khu cụm công nghiệp; khu du lịch; khu kinh tế và các khu chức năng khác ngoài đô thị đã được phê duyệt quy hoạch xây dựng; các trung tâm xã, điểm dân cư nông thôn đã được phê duyệt quy hoạch xây dựng;
3. Khu vực vành đai sân bay quốc tế Dương Tơ;
4. Khu vực vành đai sân bay Rạch Giá;
5. Trong phạm vi 200m tính từ tim đường sang hai bên lề đường, dọc các tuyến đường quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ;
6. Trong phạm vi 200m kể từ ranh giới trụ sở Ủy ban nhân dân xã;
7. Trong phạm vi 200m kể từ ranh giới đối với các khu bảo tồn di tích cấp quốc gia, cấp tỉnh;
8. Trong phạm vi 200m kể từ ranh giới đối với các vườn hoa; đài tưởng niệm; nghĩa trang liệt sĩ; công viên; quảng trường; công trình quảng cáo; các khu du lịch;
9. Cách 200m trong toàn bộ khu vực, vành đai các vị trí khu an ninh, quân sự;
10. Khu vực có độ cao từ bình độ 20 trở lên gồm các xã thuộc huyện Kiên Lương, Hòn đất, Phú Quốc, Kiên Hải và thị xã Hà Tiên;
11. Chỉ cấp phép xây dựng đối với các trạm BTS cách ranh giới trụ sở Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh; Thành ủy, Thị ủy, Huyện ủy, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố từ 200 mét trở lên.

Điều 2. Điều kiện khi lắp đặt trạm BTS loại 2 nằm ngoài khu vực phải xin giấy phép xây dựng.

Các trạm BTS loại 2 khi xây dựng, lắp đặt ở ngoài khu vực tại Điều 1 của Quy định này thì chủ đầu tư không phải xin giấy phép xây dựng, nhưng phải đảm bảo các điều kiện như sau:

1. Có văn bản chấp thuận của Sở Thông tin và Truyền thông về vị trí, địa điểm lắp đặt;

2. Đáp ứng các điều kiện tại khoản 3 Mục II Thông tư liên tịch số 12/2007/TTLT/BXD-BTTTT ngày 11 tháng 12 năm 2007 của Bộ Xây dựng và Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điều 3. Yêu cầu tuân thủ theo quy hoạch

1. Doanh nghiệp phải báo cáo kế hoạch dự kiến xây dựng, lắp đặt trạm BTS trong năm trên địa bàn tỉnh về Sở Thông tin và Truyền thông. Thời gian báo cáo trong tháng 10 năm trước của năm kế hoạch;

2. Cơ quan cấp phép xây dựng chỉ cấp phép xây dựng khi chủ đầu tư có văn bản chấp thuận của Sở Thông tin và Truyền thông về vị trí, địa điểm xây dựng, lắp đặt trạm BTS.

Điều 4. Yêu cầu dùng chung cơ sở hạ tầng thông tin

1. Đối với trạm BTS loại 1 phải cam kết cho các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thông tin di động sử dụng chung cơ sở hạ tầng (nhà trạm, cột ăng ten) nhưng không được quá bốn doanh nghiệp;

2. Đối với trạm BTS loại 2 phải cam kết cho các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thông tin di động sử dụng chung cơ sở hạ tầng (nhà trạm, cột ăng ten) nhưng không được quá hai doanh nghiệp đối với loại ăng ten dây co và không được quá ba doanh nghiệp đối với loại ăng ten tự đứng.

Điều 5. Hồ sơ xin giấy phép xây dựng

1. Văn bản chấp thuận của Sở Thông tin và Truyền thông về vị trí, địa điểm xây dựng, lắp đặt;

2. Các hồ sơ theo quy định tại điểm 1.1 (đối với trạm BTS loại 1) và điểm 1.2 (đối với trạm BTS loại 2), khoản 1, Mục II Thông tư liên tịch số 12/2007/TTLT/BXD-BTTTT ngày 11 tháng 12 năm 2007 của Bộ Xây dựng và Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điều 6. Nội dung và thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng

1. Nội dung giấy phép xây dựng đối với trạm BTS loại 1 theo mẫu tại Phụ lục số 3; đối với trạm BTS loại 2 theo mẫu tại Phụ lục số 4 của Thông tư liên tịch số 12/2007/TTLT-BXD - BTTTT ngày 11/12/2007 của Bộ Xây dựng và Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng:

2.1. Ủy ban nhân dân tỉnh cấp phép các trạm BTS gồm:

- Trạm BTS thuộc dự án đầu tư xây dựng đã được thẩm định thiết kế cơ sở;
- Trạm BTS trên các trục đường phố chính đô thị được ban hành theo Quyết định số 1714/QĐ-UBND ngày 21/7/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang;

2.2. Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Xây dựng cấp giấy phép xây dựng các trạm BTS nêu tại điểm 2.1, khoản 2, Điều này; trừ các công trình thuộc địa bàn huyện Phú Quốc.

2.3. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố cấp giấy phép xây dựng tất cả các trạm BTS còn lại thuộc địa giới hành chính do mình quản lý, trừ các đối tượng quy định tại điểm 2.1, khoản 2, Điều này.

Chương II **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 7. Sở Thông tin và Truyền thông

1. Xác định vị trí xây dựng, lắp đặt các trạm BTS sao cho phù hợp quy hoạch ngành bưu chính, viễn thông và mỹ quan đô thị trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Có văn bản trả lời (chấp thuận hoặc không chấp thuận) trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng trạm BTS;

2. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến cho các tổ chức, cá nhân có liên quan hiểu rõ mục đích, yêu cầu của việc xây dựng, lắp đặt các trạm BTS; hướng dẫn các doanh nghiệp trong việc sử dụng chung cơ sở hạ tầng nhà trạm và cột ăng ten;

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra việc thực hiện các nội dung của Quy định này.

Điều 8. Cơ quan cấp phép xây dựng

1. Thời gian là 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng trạm BTS;

2. Gửi bản sao giấy phép xây dựng cho Sở Thông tin và Truyền thông để theo dõi, quản lý;

3. Hướng dẫn, kiểm tra việc xây dựng, lắp đặt các trạm BTS trên địa bàn theo hướng dẫn tại Quy định này.

Điều 9. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan

1. Các tổ chức đầu tư xây dựng và khai thác các trạm BTS có trách nhiệm:

1.1. Thực hiện đúng Quy định này và các quy định hiện hành của pháp luật khác có liên quan;

1.2. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông đề xuất kế hoạch phát triển mạng thông tin di động tại địa phương;

1.3. Tham gia tuyên truyền, phổ biến về mục đích, ý nghĩa của việc xây dựng, lắp đặt các trạm BTS;

1.4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về những vi phạm do không thực hiện đúng theo Quy định này và các quy định hiện hành của pháp luật khác có liên quan.

2. Tổ chức, cá nhân tham gia thiết kế, thi công xây dựng, lắp đặt các trạm BTS có trách nhiệm thực hiện theo các quy định của Thông tư liên tịch số 12/2007/TTLT-BXD - BTTTT ngày 11/12/2007 của Bộ Xây dựng và Bộ Thông tin và Truyền thông và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 10. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời về Sở Xây dựng, Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp báo cáo, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Bùi Ngọc Sương